

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ thông tin,
đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học
hình thức Vừa làm vừa học, Từ xa tại Trường Đại học Tài chính - Marketing
đợt 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-ĐHTCM ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ; Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học; Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-ĐHTCM ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quyết định về việc điều chỉnh hướng dẫn thực hiện chuẩn đầu ra, hướng dẫn thực hiện điều kiện tốt nghiệp về ngoại ngữ (tiếng Anh), tin học, kỹ năng mềm đối với sinh viên trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 2485/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc điều chỉnh hướng dẫn thực hiện điều kiện xét miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2021 đến năm 2024, điều chỉnh hướng dẫn chuẩn đầu ra đối với khóa tuyển sinh năm 2024 đào tạo trình độ đại học chính quy tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ thông tin cho 99 sinh viên, công nhận đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ cho 40 sinh viên.

(Có 02 danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định được đưa vào dữ liệu của sinh viên trên hệ thống UIS và lưu trữ tại văn phòng Viện Đào tạo thường xuyên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTTX (02b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Quốc Việt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA VỀ KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Bản hành kèm theo Quyết định số 4116/QĐ-DHTCM ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
1	2263101023	Phan Thị Bích Loan	14/02/2000	22CDK18-KT1	UDCNTTCB
2	2261102007	Bùi Phạm Thùy Linh	01/01/2002	22DHK18-MA1	MOS
3	2261102026	Châu Gia Lạc	29/10/1999	22DHK18-MA1	UDCNTTCB
4	2261102017	Lê Đỗ Phương Uyên	10/06/1999	22DHK18-MA1	MOS
5	2261102020	Nguyễn Thị Thúy Vy	15/04/2000	22DHK18-MA1	MOS
6	2261102011	Nguyễn Xuân Nguyên	13/08/1994	22DHK18-MA1	MOS
7	2261102012	Phạm Quỳnh Như	26/06/2000	22DHK18-MA1	MOS
8	2261102003	Quách Minh Đức	26/06/1994	22DHK18-MA1	UDCNTTCB
9	2363312013	Lê Thị Thanh Trúc	16/06/2001	23CDK19-KQ3	UDCNTTCB
10	2363312012	Nguyễn Anh Thư	10/04/2000	23CDK19-KQ3	UDCNTTCB
11	2363312020	Trương Khả Tiếp	01/01/2001	23CDK19-KQ3	UDCNTTCB
12	2363301006	Hoàng Văn Mỹ Linh	10/12/1999	23CDK19-KT3	UDCNTTCB
13	2363301010	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/01/2001	23CDK19-KT3	UDCNTTNC
14	2363906010	Tô Thị Ánh Tuyết	13/01/1993	23CDK19QT3.TN	UDCNTTCB
15	2363906018	Phạm Thị Hồng Ngọc	25/06/1990	23CDK19QT3.TN	UDCNTTCB
16	2363906012	Phan Hoàng Thu Trâm	12/10/1996	23CDK19QT3.TN	UDCNTTCB
17	2363906014	Phạm Đình Thảo Vy	27/03/2000	23CDK19QT3.TN	UDCNTTCB
18	2363906019	Võ Thị Như Quỳnh	26/08/1996	23CDK19QT3.TN	UDCNTTCB
19	2363304018	Lê Thị Thu Thủy	28/03/1993	23CDK19-TC3	UDCNTTCB
20	2363304001	Nguyễn Hoàng Chiêu Anh	30/08/1998	23CDK19-TC3	UDCNTTCB
21	2363304008	Nguyễn Hoàng Nam	15/10/1998	23CDK19-TC3	UDCNTTCB
22	2362301002	Huỳnh Thanh Luân	25/02/1996	23DH2K9-KT3	UDNCTTCB
23	2362301004	Đặng Thanh Nhân	11/10/1973	23DH2K9-KT3	UDNCTTCB
24	2362210045	Đỗ Anh Thi	24/11/1983	23DH2K9-TA2.Q7	UDNCTTCB
25	2362210042	Huỳnh Minh Hiếu	31/07/1985	23DH2K9-TA2.Q7	UDCNTTCB
26	2362210079	Nguyễn Hùng Phương	01/06/1988	23DH2K9-TA2.Q7	UDCNTTCB
27	2362210098	Nguyễn Thị Hồng Nga	30/12/1982	23DH2K9-TA2.Q7	Cao đẳng Tin học
28	2362210048	Phạm Thị Bích	17/04/1985	23DH2K9-TA2.Q7	UDCNTTCB
29	2362906002	Nguyễn Thị Xuân Hồng	28/03/1998	23DH2K9QT.TN	MOS
30	2372110031	Đặng Lê Mạnh Tiến	14/08/1999	23XDH2K2.TA1	UDCNTTCB
31	2372110029	Lê Thị Lệ Huyền	04/03/1989	23XDH2K2.TA1	UDCNTTCB
32	2372110014	Lê Thị Thủy Tâm	20/07/1999	23XDH2K2.TA1	UDCNTTCB
33	2372110027	Ngô Thành Thạch	22/10/1979	23XDH2K2.TA1	UDCNTTCB
34	2372210088	Đỗ Hồng Vân	07/4/1991	23XDH2K2-TA2.Q8	UDCNTTCB
35	2372210071	Lê Văn Giàu	24/10/1978	23XDH2K2-TA2.Q8	UDCNTTCB
36	2372210058	Nguyễn Thị Hồng Vân	07/05/1979	23XDH2K2-TA2.VT	Đại học CNTT
37	2372210052	Nguyễn Thị Thủy	10/01/1987	23XDH2K2-TA2.VT	UDCNTTCB
38	2372210110	Phạm Ngọc Khánh Lê	09/28/1984	23XDH2K2-TA2.VT	UDCNTTCB
39	2372210028	Nguyễn Thùy Linh	16/10/1985	23XDH2K2-TA2.VT	UDCNTTCB
40	2372210129	Trần Hoàng Kim	08/03/1986	23XDH2K2-TA2.VT	UDCNTTNC
41	2463102012	Lê Nguyễn Phương Nhi	01/08/2002	24V.CMA1.INK	UDCNTTCB
42	2463102014	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	28/11/1992	24V.CMA1.INK	UDCNTTCB
43	2463106006	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	01/11/1996	24V.CQT1.INK	UDCNTTCB
44	2463106013	Nguyễn Ngọc Nhà	30/01/2003	24V.CQT1.INK	UDCNTTCB
45	2463106021	Nguyễn Thị Huyền Trân	12/11/2003	24V.CQT1.INK	UDCNTTCB
46	2463106025	Ngô Khang Nam	20/08/1999	24V.CQT1.INK	UDCNTTCB
47	2463204015	Đỗ Thị Mỹ Duyên	10/05/2003	24V.CTC20.2NK	UDCNTTCB

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC
48	2463204022	Phạm Ngọc Nam	17/09/2000	24V.CTC20.2NK	UDCNTTCB
49	2463204032	Lê Thị Huyền Trâm	19/06/1991	24V.CTC20.2NK	UDCNTTCB
50	2461301001	Võ Thị Bình An	23/11/1999	24V.PKT20.3NK	UDCNTTCB
51	2461306102	Phan Thị Mỹ Duyên	08/05/2001	24V.PQT20.3H	MOS
52	2461304014	Kiều Phương Vỹ	02/05/1999	24V.PTC20.3NK	UDCNTTCB
53	2472310065	Lê Trung Hiếu	29/08/2000	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
54	2472310134	Ngô Thị Ngọc Linh	03/08/1998	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
55	2472310149	Nguyễn Thị Thanh	29/07/1979	24X.DTA3.1.HCQG	UDCNTTCB
56	2563012018	Nguyễn Ngọc Anh	01/05/1997	25V.CKT21.2NK	UDCNTTCB
57	2563072037	Trịnh Thị Quỳnh Thương	17/01/2000	25V.CMA21.2NK1	MOS
58	2563072047	Ngô Sơn Nghĩa	27/10/2003	25V.CMA21.2NK2	UDCNTTCB
59	2563072058	Phạm Thùy Dương	15/01/1990	25V.CMA21.2NK2	UDCNTTCB
60	2563062019	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/04/2003	25V.CQT21.2NK	UDCNTTCB
61	2563062036	Nguyễn Ngọc Minh Thư	11/12/2002	25V.CQT21.2NK	MOS
62	2563041030	Huỳnh Trung Hiếu	24/09/2001	25V.CTC21.1NK	UDCNTTCB
63	2562012001	Dương Thị Thịnh	10/05/1990	25V.DKT11.2NK	UDCNTTCB
64	2572104054	Nguyễn Thị Hồng Trân	09/08/1996	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
65	2572104059	Nguyễn Thị Tuyết Vân	12/03/1983	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
66	2572104083	Lê Thị Thanh Huệ	02/09/1990	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
67	2572104031	Huỳnh Lê Thùy Linh	24/09/1993	25X.DTA4.1.ILFM	UDCNTTCB
68	2572104003	Châu Mỹ Chi	25/06/1983	25X.DTA4.1.ILFM	Đại học CNTT
69	2561401005	Nguyễn Thị Minh Huyền	08/11/2000	25V.CKT21.3NK	UDCNTTCB
70	2561401008	Nguyễn Võ Hồng Lan	18/01/2004	25V.CKT21.3NK	UDCNTTCB
71	2563401034	Nguyễn Như Thảo	13/09/2000	25V.CKT21.3NK	UDCNTTCB
72	2561401022	Hứa Thị Thu Thủy	29/12/1997	25V.CKT21.3NK	MOS
73	2561401025	Trần Tường Vi	11/09/2000	25V.CKT21.3NK	UDCNTTCB
74	2563401033	Trần Thị Thanh Vy	22/09/2000	25V.CKT21.3NK	UDCNTTCB
75	2561407029	Đặng Gia Hân	30/10/2003	25V.CMA21.3NK2	UDCNTTCB
76	2561406022	Trần Mỹ Ngọc	26/02/2003	25V.CQT21.3NK	MOS
77	2563406044	Nguyễn Huỳnh Nhật Vy	17/02/1997	25V.CQT21.3NK	UDCNTTCB
78	2561404034	Nguyễn Phương Trang	01/03/2006	25V.PTC21.3H	MOS
79	2561073034	Hà Văn An	13/07/1998	25V.PMA21.3NK	UDCNTTCB
80	2573011015	Trần Tuyết Ngân	04/09/1996	25X.CKT-K1.2	UDCNTTCB
81	2573011031	Nguyễn Lê Diệp Linh	18/08/1998	25X.CKT-K1.2	UDCNTTCB
82	2573061032	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/10/2000	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
83	2573061035	Phan Khánh Trung	15/04/2001	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
84	2573061064	Lê Thị Thanh Tâm	10/12/1997	25X.CQT-K1.2	UDCNTTCB
85	2571011003	Lê Thành Lực	30/09/1997	25X.DKT-K1.2	UDCNTTCB
86	2572104173	Trần Thị Kim Tuyền	12/06/1999	25X.DTA4.2	MOS
87	2572104255	Lý Diệp Linh Đan	03/05/2003	25X.DTA4.2	MOS
88	2572104266	Đặng Thị Phương Thảo	19/04/1996	25X.DTA4.2	MOS
89	2572104278	Trần Thị Diễm My	11/07/2003	25X.DTA4.2	UDCNTTNC
90	2572104280	Trần Mạnh Khang	11/12/1997	25X.DTA4.2	Đại học CNKT máy tính
91	2572104141	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	14/07/2000	25X.DTA4.2.HVHC	UDCNTTCB
92	2572104150	Cao Thị Hoa Liễu	13/08/1999	25X.DTA4.2.HVHC	UDCNTTCB
93	2572104169	Nguyễn Ngọc Băng Tâm	12/08/1997	25X.DTA4.2.HVHC	UDCNTTCB
94	2572104235	Nguyễn Thị Ngọc Sang	02/04/1990	25X.DTA4.2.ILFM	UDCNTTCB
95	2572104130	Cao Lê Hoàng Ánh	19/05/1999	25X.DTA4.2.SV	MOS
96	2572104146	Vũ Thị Thu Hoài	22/12/1998	25X.DTA4.2.SV	UDCNTTCB
97	2572104180	Hà Mỹ Trinh	27/02/2000	25X.DTA4.2.SV	MOS
98	2572104264	Trịnh Thị Thương	06/09/1995	25X.DTA4.2.SV	UDCNTTCB
99	2571011033	Nguyễn Thị Trang Đài	04/10/1995	25X.PKT-K1.2	UDCNTTCB

Tổng số danh sách: 99 sinh viên./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

★(Ban hành kèm theo Quyết định số 4116/QĐ-DHTCM ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	VB/CC	ĐIỂM
1	2263101023	Phan Thị Bích Loan	14/02/2000	22CDK18-KT1	Aptis Esol	B1
2	2261102007	Bùi Phạm Thùy Linh	01/01/2002	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
3	2261102026	Châu Gia Lạc	29/10/1999	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 4: 7.0/10
4	2261102023	Hứa Nguyễn Bảo Hân	09/09/2004	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.0/10
5	2021009435	Huỳnh Triều Phát	30/11/2002	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.0/10
6	2261102014	Kiều Thị Thanh Thảo	20/11/1998	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.5/10
7	2261102017	Lê Đỗ Phương Uyên	10/06/1999	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.5/10
8	2261102020	Nguyễn Thị Thúy Vy	15/04/2000	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
9	2261102018	Nguyễn Thị Tường Viên	22/06/1991	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
10	2261102011	Nguyễn Xuân Nguyên	13/08/1994	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
11	2261102012	Phạm Quỳnh Như	26/06/2000	22DHK18-MA1	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.0/10
12	2363312017	Cao Ngọc Bảo Trân	25/12/1997	23CDK19-KQ3	Aptis Esol	B1
13	2363312014	Lê Hà Trung	12/01/1999	23CDK19-KQ3	Aptis Esol	B1
14	2363312013	Lê Thị Thanh Trúc	16/06/2001	23CDK19-KQ3	Aptis Esol	B1
15	2363901009	Huỳnh Thị Tươi	17/12/1991	23CDK19KT.TN	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.0/10
16	2363901011	Lê Thị Bạch Trúc	28/02/1983	23CDK19KT.TN	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.5/10
17	2363301010	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/01/2001	23CDK19-KT3	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.5/10
18	2363301001	Trần Văn Dương	08/11/1996	23CDK19-KT3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
19	2363106012	Trần Bé Phúc	10/10/1994	23CDK19QT1	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
20	2363306017	Lê Thị Ngọc Thoa	18/08/1999	23CDK19-QT3	Aptis Esol	B1
21	2363906010	Tô Thị Ánh Tuyết	13/01/1993	23CDK19QT3.TN	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
22	2363906012	Phan Hoàng Thu Trâm	12/10/1996	23CDK19QT3.TN	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
23	2363906014	Phạm Đình Thảo Vy	27/03/2000	23CDK19QT3.TN	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
24	2363906018	Phạm Thị Hồng Ngọc	25/06/1990	23CDK19QT3.TN	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.0/10
25	2363906019	Võ Thị Như Quỳnh	26/08/1996	23CDK19QT3.TN	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
26	2363304001	Nguyễn Hoàng Chiêu Anh	30/08/1998	23CDK19-TC3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
27	2363304008	Nguyễn Hoàng Nam	15/10/1998	23CDK19-TC3	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.0/10
28	2363304013	Nguyễn Thị Huệ Tâm	16/09/1991	23CDK19-TC3	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.0/10
29	2363304003	Phạm Thị Mỹ Hạt	09/04/1994	23CDK19-TC3	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.0
30	2363304019	Phan Hoàng Trung	27/06/1996	23CDK19-TC3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0/10
31	2362312001	Trần Thúy Quỳnh Mai	23/07/1990	23DH2K9-KQ3	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.5/10
32	2362301004	Đặng Thanh Nhân	11/10/1973	23DH2K9-KT3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
33	2362301002	Huỳnh Thanh Luân	25/02/1996	23DH2K9-KT3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
34	2362301005	Trần Hồng Phượng	02/12/1985	23DH2K9-KT3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.5/10
35	2362307003	Vũ Lan Phương	07/10/2001	23DH2K9-MA3	Khung 6 bậc	bậc 3: 4.0
36	2362906002	Nguyễn Thị Xuân Hồng	28/03/1998	23DH2K9QT.TN	Khung 6 bậc	bậc 4: 7.0/10
37	2463307028	Võ Thị An Bình	04/11/2003	24V.CMA20.3NK	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.0/10
38	2472310202	Nguyễn Hoàng Lâm	27/09/2001	24X.DTA3.1.ILFM	Khung 6 bậc	bậc 4: 6.0/10
39	2472310205	Nguyễn Hoàng Nam Phương	26/02/2001	24X.DTA3.1.ILFM	Khung 6 bậc	bậc 3: 5.5/10
40	2563012018	Nguyễn Ngọc Anh	01/05/1997	25V.CKT21.2NK	Cao đẳng Tiếng Anh	

Tổng số danh sách: 40 sinh viên./✓

